

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/KDTM-ST
Ngày: 15-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng phát hành
và sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Ông Lưu Đức Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đình Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 7 năm 2024 và 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2024/TLST-KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở chính: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền (Quyết định số: 3524/2023/QĐ-PC ngày 25-12-2023): Ông Nguyễn Đức A – Giám đốc Chi nhánh Q.

Địa chỉ liên hệ: Số C T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; số điện thoại: 0903 611 408 (ông A) hoặc 0909 462 492 (ông N).

Ông Nguyễn Đức A ủy quyền lại cho ông Trương Văn A1 – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro tham gia tố tụng.

- Bị đơn: Công ty TNHH H1.

Địa chỉ: Số C, Khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Hồng G** – Giám đốc.

Địa chỉ: **Số C, Khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.**

(Ông **Trương Văn A1** có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/8/2020, **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và **Công ty TNHH H1** đã ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 500.000.000 đồng, mục đích phục vụ hoạt động của doanh nghiệp. Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp, danh sách cán bộ nhân viên được đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp, hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp. Lãi suất trong hạn được quy định trong biểu phí lãi suất do Ngân hàng ban hành và công bố trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Việc cấp tín dụng qua thẻ không có tài sản bảo đảm.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, **công ty TNHH H1** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 1.255.015.530 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay **công ty TNHH H1** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 728.492.832 đồng. Từ sau ngày 10/02/2023, **công ty TNHH H1** đã không thanh toán cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, vào ngày 10/6/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ khoản dư nợ 1.275.749 đồng của chủ thẻ chính và khoản dư nợ 525.246.949 đồng của thẻ cán bộ nhân viên công ty sang dư nợ quá hạn, tổng cộng 526.522.698 đồng. Việc chuyển nợ quá hạn đã được Ngân hàng thông báo đến **công ty TNHH H1**.

Nay Ngân hàng yêu cầu **Công ty TNHH H1** phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền dư nợ và lãi theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay, tạm tính đến ngày 08/7/2024 là 716.546.928 đồng, bao gồm:

+ Đối với thẻ tín dụng **công ty H1**: Dư nợ quá hạn: 1.275.749 đồng, lãi quá hạn 460.586 đồng, tổng cộng: 1.736.335 đồng.

+ Đối với thẻ tín dụng cán bộ nhân viên **công ty H1**: Dư nợ quá hạn 525.246.949 đồng, lãi quá hạn: 189.563.644 đồng, tổng cộng: 714.810.593 đồng.

2. Bị đơn **Công ty TNHH H1** và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông **Lê Hồng G** đã được triệu tập hợp lệ tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ theo Điều 299, 303, 304, 323, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn : Buộc Công ty TNHH H1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/7/2024 là 716.546.928 đồng. Ngoài ra, Công ty TNHH H1 còn phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh từ ngày 08/7/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản vay theo hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH H1 và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Lê Hồng G đã được triệu tập hợp lệ tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Theo kết quả cung cấp tài liệu, chứng cứ của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ thì Công ty TNHH H1 hiện tại vẫn đang hoạt động, địa chỉ trụ sở chính tại Số C, Khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, người đại diện theo pháp luật là ông Lê Hồng G có cùng địa chỉ với địa chỉ trụ sở của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho Công ty TNHH H1 và ông Lê Hồng G tại địa chỉ nêu trên, nhưng Công ty và ông G vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 26/8/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH H1 đã ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 500.000.000 đồng, gồm tài khoản chủ thẻ chính cấp cho Công ty TNHH H1 và thẻ cán bộ nhân viên công ty (cấp cho bà Lâm Tuyết V, chức vụ Phó giám đốc). Mục đích phục vụ cấp thẻ tín dụng để phục vụ hoạt động của doanh nghiệp. Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp, danh sách cán bộ nhân viên được đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp, hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp.

[3] Thỏa thuận về lãi suất tại Bản điều khoản và điều kiện kèm theo hợp đồng như sau: Lãi suất trong hạn được quy định trong biểu phí lãi suất do Ngân hàng ban hành và công bố trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định của S1 trong từng thời kỳ. Tại biểu phí sản phẩm – dịch vụ doanh nghiệp và Sao kê giao dịch thẻ tín dụng mà Ngân hàng cung cấp thể hiện lãi suất trong hạn tại thời điểm ký kết hợp đồng là 22%/năm, giai đoạn từ 16/11/2021 đến 21/02/2023 được điều chỉnh lãi suất còn 18%/năm, giai đoạn 11/3/2023 đến 10/6/2023 được điều chỉnh lãi suất lên 22%/năm. Sau khi chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn thì mức lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tức bằng 33%/năm. Lãi và lãi suất do các bên thỏa thuận theo Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp ngày 26/10/2020 là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Sau khi được cấp thẻ tín dụng, công ty TNHH H1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 1.255.015.530 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay công ty TNHH H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 728.492.832 đồng. Từ sau ngày 10/02/2023, công ty TNHH H1 đã không thanh toán cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng.

[5] Tại khoản 13 Điều 1 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp kèm theo Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quy định: “Tổng dư nợ: là tổng số tiền chủ thẻ chính phải thanh toán cho S1 bao gồm toàn bộ Dư nợ thẻ cán bộ nhân viên và dư nợ tài khoản chủ thẻ chính”.

[6] Tại điểm a khoản 5, điểm ii mục c khoản 5 Điều 8 Bản điều khoản trên quy định:

“Việc chủ thẻ chính không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu theo thông báo giao dịch tính từ ngày thứ 10 của kỳ thông báo giao dịch lần thứ 2 thì toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn. Trong trường hợp này, tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ chính phải thanh toán.”

“Áp dụng lãi suất quá hạn phù hợp với khoản 20 Điều 1 Phụ lục này đối với tổng dư nợ theo quy định của S1. Sau 75 ngày kể từ ngày lập thông báo giao dịch hoặc sau 03 (ba) kỳ thông báo giao dịch liên tiếp, nếu chủ thẻ chính không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu, S1 sẽ chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chủ thẻ chính/cán bộ nhân viên và tiến hành các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ vay...”.

[7] Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng phát hành và sử dụng tín dụng, Công ty TNHH H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận với Ngân hàng. Vào ngày 10/6/2023, sau 03 kỳ thông báo giao dịch liên tiếp, công ty TNHH H1 không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản dư nợ 1.275.749 đồng của chủ thẻ chính và khoản dư nợ 525.246.949 đồng của thẻ cán bộ nhân viên công ty sang dư nợ quá hạn, tổng cộng 526.522.698 đồng.

[8] Khi ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp, bên vay xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với các điều khoản, điều kiện được quy định trong hợp đồng cũng như Phụ lục “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp” của Ngân hàng TMCP S. Do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, phí dịch vụ thẻ và tiền lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

[9] Từ những phân tích trên, thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc Công ty TNHH H1 phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/8/2020 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/7/2024 là 716.546.928 đồng, bao gồm:

+ Đối với tài khoản chủ thẻ chính công ty TNHH H1: Dư nợ quá hạn: 1.275.749 đồng, lãi quá hạn 460.586 đồng, tổng cộng: 1.736.335 đồng.

+ Đối với thẻ tín dụng cán bộ nhân viên công ty TNHH H1: Dư nợ quá hạn 525.246.949 đồng, lãi quá hạn: 189.563.644 đồng, tổng cộng: 714.810.593 đồng.

Căn cứ Điều 12 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

[10] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.661.877 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 12.530.500 đồng cho Ngân hàng theo biên lai thu số 0015291 ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[11] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của

pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bị đơn Công ty TNHH H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng”.

Buộc Công ty TNHH H1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 716.546.928 đồng, bao gồm:

+ Nợ tài khoản chủ thẻ chính công ty TNHH H1: Dư nợ quá hạn: 1.275.749 đồng, lãi quá hạn 460.586 đồng, tổng cộng: 1.736.335 đồng.

+ Nợ thẻ tín dụng cán bộ nhân viên công ty TNHH H1: Dư nợ quá hạn 525.246.949 đồng, lãi quá hạn: 189.563.644 đồng, tổng cộng: 714.810.593 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 08/7/2024 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, Công ty TNHH H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về án phí:

Công ty TNHH H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 32.661.877 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 12.530.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015291 ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Trúc

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà Lưu Đức Chung Nguyễn Thị Thanh Trúc

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nguyễn Thị Ngọc Đẹp Đào Minh H